

VỀ TƯ TƯỞNG CÔNG BẰNG CỦA K. MARX Ở TRUNG QUỐC HIỆN NAY

NGUYỄN MINH HOÀN^(*)

Ở Trung Quốc hiện nay, nhiều ý kiến cho rằng, nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở đề cao tính hiệu quả kinh tế dường như đang dần che lấp mục tiêu thực hiện công bằng với tính cách là đặc trưng cốt lõi của CNXH. Nhiều nghiên cứu về đặc trưng của CNXH nói chung và đạo đức kinh tế thị trường XHCN nói riêng ở Trung Quốc hiện nay đều nhấn mạnh đến việc phải xuất phát từ tư tưởng của K. Marx về vấn đề đạo đức kinh tế thị trường với nội dung cốt lõi là tư tưởng công bằng. Các nghiên cứu nhấn mạnh, chính K. Marx là người đã sớm chỉ ra bản chất khác biệt giữa công bằng trong CNXH và công bằng trong nền kinh tế thị trường tự do TBCN. Tư tưởng công bằng của K. Marx chính là cơ sở lý luận nhằm bảo vệ CNXH, mà cụ thể ở đây là bảo vệ lợi ích căn bản của nhân dân Trung Quốc.

I. Về tư tưởng công bằng của K. Marx

Có thể thấy, công bằng là một phạm trù lịch sử. Các nhà tư tưởng, từ Platon, Aristote, cho đến J. Rousseau..., dù đã đưa ra những quan niệm hợp lý nhất định về công bằng, song đó chẳng qua chỉ được sử dụng như phương tiện để bảo vệ những lợi ích của giai cấp thống trị. Vì vậy, trong quan niệm của mình,

họ thường cho rằng nguyên tắc để thực hiện công bằng đều được sắp đặt bởi bàn tay của Thượng đế. Ngược lại, dựa trên cơ sở phê phán chế độ kinh tế bất công đối với giai cấp vô sản trong xã hội TBCN, K. Marx đã đưa ra quan điểm của mình về công bằng. Đồng thời, K. Marx đã phân tích cơ sở hình thành công bằng của CNXH nhằm chỉ ra con đường giải phóng giai cấp vô sản khỏi chế độ xã hội bất công. Hơn nữa, K. Marx còn nhấn mạnh rằng, nguyên tắc để thực hiện công bằng luôn bị quy định bởi chính quan hệ sản xuất trong một phương thức sản xuất nhất định. Nói cách khác, ở mỗi phương thức sản xuất xã hội khác nhau bao giờ cũng có một nguyên tắc để thực hiện công bằng xã hội, nghĩa là công bằng luôn bị quy định bởi điều kiện kinh tế-xã hội nhất định. Vậy những quan niệm cơ bản của K. Marx về đạo đức kinh tế mà hạt nhân là tư tưởng về công bằng xã hội là gì?

Ngay từ thời còn trẻ, nghiên cứu của K. Marx về những vấn đề kinh tế thường được tập trung vào những hiện tượng bất công. Trong Phụ trương của Báo *Sông Ranh*, ngày 1, 3/10/1842, với

(*) TS., Viện Triết học, Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

bài viết “Những cuộc tranh luận về luật cấm trộm củi rừng” (xem: 2), K. Marx đã lên tiếng công khai bảo vệ lợi ích của quần chúng người lao động khi thấy được tình trạng bất công của xã hội xuất phát từ sự đối lập về lợi ích giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội đương thời. Tuy nhiên ở đây, sự phân tích của K. Marx về tình trạng bất công vẫn chưa phải xuất phát từ phương diện kinh tế, mà mới chỉ xuất phát từ phương diện pháp lý (xem: 3). Mặc dù vậy, việc bảo vệ lợi ích của người lao động ở đây cũng đã hàm chứa trong đó việc phê phán sự bất công của chế độ sở hữu tư nhân. Điều đó cho thấy, tư tưởng của K. Marx khác xa so với những nhà tư tưởng trước đó về vấn đề công bằng khi họ đều cho rằng, sự thống trị của giai cấp thống trị; sự bóc lột của giai cấp bóc lột là bất di bất dịch, và đó là “công lý muôn đời”. Như vậy, việc bảo vệ lợi ích của quần chúng cần lao thực sự là điểm xuất phát trong tư tưởng về công bằng của K. Marx.

Trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế triết học 1844”, thông qua việc vạch ra bản chất của hiện tượng tha hoá, K. Marx đã chỉ ra hiện tượng bất công trong xã hội TBCN và sự đối lập gay gắt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản về lợi ích. *Một là*, tha hoá thể hiện ở quan hệ giữa người lao động đối với chính sản phẩm lao động của họ, cụ thể là người công nhân sản xuất càng nhiều thì sản phẩm mà họ có được càng ít, bởi vì nguyên tắc phân phối trong xã hội tư bản là một sự bất công tột cùng. *Hai là*, tha hoá thể hiện ở quan hệ giữa lao động của người công nhân với chính bản thân anh ta, khi mà lao động của họ lại trở thành một vật xa lạ với họ. Trong quá trình lao động, người công nhân không khẳng định mình, mà ngược lại đã phủ định chính bản thân mình, bởi lẽ

lao động của họ không phải là sự tự nguyện mà ngược lại là sự bị ép buộc, bị cưỡng chế. *Ba là*, tha hoá thể hiện ở quan hệ giữa con người với bản chất loài, từ đó dẫn đến sự tha hoá trong mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Sự tha hoá đó thể hiện trực tiếp ở sự phân hoá cũng như sự đối lập về lợi ích giữa các giai cấp, từ đó dẫn đến sự phân hoá thành hai cực đối lập cơ bản trong xã hội TBCN. Để xoá bỏ những hiện tượng tha hoá hay bất công ấy, K. Marx chỉ rõ: “Sự giải phóng xã hội khỏi sở hữu tư nhân..., khỏi sự nô dịch, trở thành hình thức chính trị của sự giải phóng công nhân, và lại vấn đề ở đây không chỉ là sự giải phóng của họ, vì sự giải phóng của họ bao hàm sự giải phóng toàn thể loài người; và sở dĩ như thế là vì toàn bộ cái chế độ nô dịch loài người nói chung” (4, tr.143-144). Sự phê phán của K. Marx đối với hiện tượng bất công trong xã hội TBCN không xuất phát từ kinh nghiệm cảm tính, mà xuất phát từ chính bản thân chế độ tư hữu.

Tư tưởng công bằng của K. Marx đã phê phán và vạch trần sự bất công trong xã hội TBCN, ngoài ra còn nỗ lực tập trung vào việc xây dựng những quan điểm về công bằng trong CNXH và CNCS tương lai, mà những nỗ lực này lại không tách khỏi cuộc đấu tranh chống lại những quan điểm công bằng của giai cấp tiểu tư sản đang thịnh hành trong phong trào công nhân. Đáng chú ý là sự phê phán của K. Marx đối với quan điểm của Weitling (1808-1871), Nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức thời kỳ phôi thai, một trong những nhà lý luận của CNCS bình quân không tưởng) – người đã cổ vũ cho những tư tưởng công bằng, bình đẳng, đề xuất về một xã hội hài hoà và tự do, dựa trên chế độ công hữu; mọi

người cùng lao động; phân phối theo nguyên tắc bình quân (trong tác phẩm “Bảo đảm sự hài hoà và tự do”). Tư tưởng này của Weitling được xây dựng trên cơ sở của những quan niệm trừu tượng về công bằng, một kiểu quan niệm công bằng của chủ nghĩa bình quân. Tư tưởng này không thể lãnh đạo được giai cấp công nhân tiến hành đấu tranh, ngược lại nó chính là trở ngại trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân.

Còn Prudon, trong tác phẩm “Tài sản là gì”, cũng vận dụng quan điểm công bằng trừu tượng để phê phán và giải thích chế độ tư hữu tài sản. Đấu tranh chống lại những quan điểm ấy, trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức”, K. Marx cho rằng, tất cả những luận cứ của Prudon về kinh tế chính trị đều là sự sai lầm, quan điểm công bằng của Prudon chẳng qua chỉ là ảo tưởng của những nhà kinh tế học và luật học. Prudon đã lấy công bằng của xã hội tương lai để giải thích cho trạng thái vô chính phủ. K. Marx chỉ rõ, những nhà XHCN không tưởng hoàn toàn chỉ dựa vào địa vị, quyền lợi của mình để đưa ra những mong muốn của riêng mình về sự công bằng. Họ hoặc là mở rộng những đòi hỏi của công bằng, hoặc là trực tiếp đưa ra những kết luận XHCN dựa vào lý luận về giá trị lao động của kinh tế học cổ điển (xem: 7, tr.269). Những nhà XHCN không tưởng này, khi phê phán chế độ xã hội bóc lột và viễn cảnh của xã hội tương lai, đã không hề dă động tới việc cải tạo phương thức sản xuất cũ, hay đề cập đến việc lật đổ toàn bộ những quan hệ pháp lý và quan hệ kinh tế của xã hội đã lỗi thời.

Cơ sở thực tế của những quan điểm công bằng của giai cấp tư sản mà K. Marx phê phán chính là thị trường tự

do của CNTB. Xuất phát từ quan hệ trao đổi đơn thuần trong thị trường tự do được coi là cơ sở của những quan điểm công bằng tư sản ấy, K. Marx đã chỉ rõ, “Mỗi chủ thể đều là chủ thể tiến hành trao đổi, nghĩa là mỗi chủ thể đều ở trong cùng một quan hệ xã hội đối với chủ thể khác, giống như quan hệ của chủ thể khác đối với chủ thể này. Vì vậy, quan hệ của các chủ thể ấy, với tư cách là những chủ thể trao đổi, là quan hệ bình đẳng” (5, tr.311). Như vậy, việc mua hay bán hàng hoá sức lao động (với những biểu hiện bề ngoài của nó) hoàn toàn được coi là bình đẳng - cơ sở cho sự công bằng - trong quan hệ trao đổi trên thị trường tự do. Nhưng theo K. Marx, quan hệ mua bán ấy giữa một bên là người sở hữu tư liệu sản xuất và một bên là người vô sản thực chất là sự bất công bằng. K. Marx nhấn mạnh, “giá trị trao đổi hoặc - trong trường hợp xem xét vấn đề một cách tỉ mỉ - hệ thống quan hệ tiền tệ thật sự là hệ thống bình đẳng và tự do, còn những gì mà trong trường hợp phát triển tỉ mỉ hơn hệ thống này, đối lập với bình đẳng và tự do và vi phạm bình đẳng và tự do, thì đó là những sự vi phạm nội tại của hệ thống này: chính đây là sự thực hiện bình đẳng và tự do mà thực ra lại là bất bình đẳng và mất tự do” (5, tr.324).

Như vậy, những hiện tượng bất công trong xã hội TBCN không chỉ tồn tại trong quan hệ bóc lột giá trị thặng dư của quá trình sản xuất TBCN, mà còn là hệ quả của quan hệ trao đổi trên thị trường tự do. Đáng tiếc rằng, nguồn gốc của hiện tượng bất công trong điều kiện kinh tế thị trường hiện chỉ được hiểu một cách phiến diện, tức bất công nảy sinh từ sự bóc lột của nền sản xuất TBCN, còn quan hệ trao đổi tự do trên

thị trường không được hiểu là sự bất công, mà thậm chí còn được hiểu là quan hệ công bằng (theo 1, tr.26).

Trên cơ sở phê phán những quan điểm công bằng trong CNTB, K. Marx đã đưa ra những quan điểm mang tính dự báo về công bằng trong xã hội XHCN. Đó là những quan điểm về sự xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; quan điểm thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Tuy vậy, trong “Phê phán cương lĩnh Gôta”, K. Marx cho rằng, ngay trong xã hội XHCN, việc phân phối về hình thức được coi là công bằng, nhưng thực chất mà nói thì đó vẫn chưa hẳn là sự công bằng, mà công bằng chỉ thực sự đạt được ý nghĩa đầy đủ của nó trong xã hội CSCN.

Cần khẳng định rằng, trước K. Marx, đã có nhiều quan điểm lấy công bằng làm mục tiêu của xã hội lý tưởng, chẳng hạn, tư tưởng của Saint Simon, R. Owen và C. Phourrier về sự xoá bỏ tình trạng bất công của xã hội đương thời để thay thế bằng một mô hình xã hội lý tưởng. Vì vậy, quan niệm của K. Marx về công bằng cũng là sự tiếp thu và phát triển từ những tư tưởng ấy.

Tuy nhiên, quan niệm của K. Marx về công bằng khác về chất so với những quan điểm trước đó về công bằng, và do đó, quan điểm của K. Marx về công bằng hoàn toàn mang tính hiện thực trong xã hội. Tính hiện thực và khoa học trong quan niệm của K. Marx về công bằng thể hiện sự khác biệt ấy được dựa trên bốn căn cứ chủ yếu: *thứ nhất*, tư tưởng công bằng của K. Marx được xây dựng dựa trên cơ sở của thế giới quan khoa học; *thứ hai*, thông qua nghiên cứu kinh tế TBCN, K. Marx đã

vượt qua được sự hạn chế của những tư tưởng kinh tế chính trị cổ điển chật hẹp do bị giới hạn bởi tư tưởng của giai cấp tư sản; *thứ ba*, với những nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế chính trị dựa vào chủ nghĩa duy vật lịch sử khoa học, K. Marx đã gửi gắm vào giai cấp vô sản niềm hi vọng thực hiện được một xã hội công bằng, chứ không phải là một ảo tưởng về sự công bằng dựa vào lòng nhân từ và sự cứu tế của giai cấp tư sản thống trị; *thứ tư*, K. Marx chỉ nêu ra những đề xuất chủ yếu nhất chứ không phải đưa ra những chi tiết cụ thể của xã hội công bằng tương lai, bởi vì những lý tưởng công bằng của xã hội cộng sản tương lai ấy mới chỉ được K. Marx rút ra với tư cách những mặt đối lập với những giá trị công bằng của CNTB.

II. Về việc tiếp thu và vận dụng tư tưởng công bằng của K. Marx ở Trung Quốc hiện nay

Theo những phân tích ở trên, tư tưởng của K. Marx về công bằng chỉ mang tính định hướng, chứ không thể được coi là những phương án sẵn có cho CNXH ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy, tư tưởng công bằng của K. Marx cần được nhận thức một cách đúng đắn và vận dụng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc hiện nay.

Trước đây, sự thiết lập chế độ XHCN ở Liên Xô, Trung Quốc và nhiều quốc gia khác đã đảm bảo cho việc thực hiện tư tưởng công bằng của K. Marx, đồng thời công bằng cũng được coi là đặc trưng đạo đức chủ yếu của xã hội XHCN. Song, tư tưởng của K. Marx về công bằng, trên thực tế, đã không được thực hiện đầy đủ. Trong chế độ XHCN ở Trung Quốc hiện nay, giữa công bằng và hiệu quả luôn có sự thống nhất, nhưng vấn đề đặt ra là với trình độ phát triển

của lực lượng sản xuất còn tương đối lạc hậu đã không tương xứng với khả năng giải quyết được vấn đề công bằng. Đây là những vấn đề hết sức phức tạp mà các nước XHCN, trong đó có Trung Quốc, đang phải đối mặt. Vấn đề đặt ra là, làm sao vừa phải đảm bảo thực hiện được công bằng, vừa phải hạn chế được sự phân hoá xã hội thành hai cực, nhưng đồng thời vẫn phải bảo đảm tốc độ phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất.

Trước hết, ở Trung Quốc nói riêng cũng như các nước XHCN nói chung, thực hiện công bằng xã hội phải dựa vào trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, nhưng nếu như quảng đại quần chúng vẫn phải sống trong tình trạng nghèo khổ, thì sự “công bằng” ấy cũng không có ý nghĩa nào hết, và cũng không phải như mong muốn của K. Marx trước đây. Trong chế độ kinh tế kế hoạch tập trung, có hai nhân tố đã cản trở việc đề cao tính hiệu quả của sự phát triển. Nhân tố thứ nhất, vì không nhận thức đúng về thời kỳ đầu của CNXH, và do quá tin vào kế hoạch nên đã gạt bỏ thị trường, tức là gạt bỏ tính hiệu quả của sự phát triển kinh tế. Và do đó, tương ứng với nó - nhân tố thứ hai - là việc thiết lập một bộ máy quản lý công kênh với tư cách là một chủ thể quyền lực điều tiết hoạt động lập kế hoạch một cách cứng nhắc đối với sự phát triển kinh tế. Đây là những nhân tố chủ yếu không chỉ cản trở bản thân hiệu quả phát triển kinh tế, mà còn cản trở việc thực hiện công bằng.

Trung Quốc đã trải qua 30 năm thử thách trong nền kinh tế thị trường với nhận thức về kinh tế thị trường ngày một đầy đủ hơn, do đó, tính hiệu quả kinh tế cũng ngày càng được coi trọng.

Nhưng trong điều kiện hình thành thị trường tự do mới, nội dung của công bằng phải được hiểu thế nào cho phù hợp? Hiện Trung Quốc mới ở giai đoạn đầu của CNXH, lại thực hiện phát triển kinh tế thị trường, nên tất nhiên việc đề cao hiệu quả là mang tính quyết định cho việc thực hiện công bằng. Chính bởi lẽ đó, trong Báo cáo chính trị của Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề xuất việc kiên trì nguyên tắc “ưu tiên hiệu quả, đồng thời chú ý công bằng”. Đây là sự thể hiện bước phát triển lý luận cao hơn và sâu sắc hơn so với tư tưởng “cùng nhau giàu có” mà Đặng Tiểu Bình đã nêu trước đó. Tuy nhiên, việc “ưu tiên hiệu quả” không có nghĩa là hạ thấp việc thực hiện công bằng xuống hàng “thứ yếu”, đây cũng chính là yêu cầu đối với việc nhận thức một cách đúng đắn tư tưởng của Đặng Tiểu Bình về mối quan hệ giữa quan điểm “một bộ phận giàu trước” với quan điểm “cùng giàu”. Trước hết, mục đích của quan điểm “một bộ phận giàu trước” mà Đặng Tiểu Bình nêu ra chính là nhằm quét sạch ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa bình quân trước đó, và làm cho nguyên tắc công bằng của CNXH được thực hiện một cách đúng đắn hơn. Bởi vì, như một số nghiên cứu đã nhấn mạnh: “Trong một thời gian dài đã tồn tại sự hiểu sai về nguyên tắc phân phối, CNXH dường như bị đồng nhất với chế độ bình quân, nếu một bộ phận người lao động nào có thu nhập tương đối cao hơn trong xã hội thì bị cho là sự phân cực xã hội, sự quay lưng lại với CNXH. Tư tưởng bình quân chủ nghĩa này hoàn toàn không phù hợp với quan điểm khoa học về CNXH của K. Marx. Bài học lịch sử đã cảnh báo với chúng ta rằng: tư tưởng chủ nghĩa bình quân là vật cản đối với việc quán triệt thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, và sự tràn lan

của chủ nghĩa bình quân còn dẫn đến sự phá hoại lực lượng xã hội” (6, tr.29).

Loại bỏ chủ nghĩa bình quân, như Đặng Tiểu Bình chỉ rõ, cho phép “một bộ phận giàu trước” rõ ràng không phải là mục tiêu cuối cùng của CNXH, mà “mục tiêu của CNXH chính là sự cùng giàu có của nhân dân cả nước, không thể dẫn đến phân hoá thành hai cực” (8, tr.146). Tuy vậy, vấn đề là ở chỗ, “giàu trước” và “cùng giàu” là hai mặt nằm trong mối quan hệ của một chỉnh thể hữu cơ, nên không thể chia tách hoặc là mặt này, hoặc là mặt kia để gán nó vào những giai đoạn phát triển khác nhau. Nếu đợi đến khi thực sự đã diễn ra sự phân hoá hai cực mới nghĩ đến biện pháp điều tiết, thì mục tiêu công bằng của sự “cùng giàu” sẽ khó mà thực hiện. Do đó, trong quá trình vận hành kinh tế, Nhà nước Trung Quốc phải tùy thời mà tiến hành đồng thời cả điều tiết vĩ mô lẫn điều tiết vi mô một cách mềm dẻo, đặc biệt phải quyết liệt ngăn chặn hiện tượng phân hoá hai cực. Đó chính là những nội dung chủ yếu của việc thực hiện công bằng ở Trung Quốc hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Du Khả Bình (chủ biên). “CNXH” trong thời đại toàn cầu hoá. Trung Quốc: Biên dịch trung ương, 1998.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập (Tập 1). H.: Chính trị quốc gia, 1995.
3. Hậu Huệ Cần (chủ biên). Lịch sử và hiện trạng của triết học trong chủ nghĩa Mác (Quyển 1). Trung Quốc: Đại học Nam Kinh, 1988.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập (Tập 42). H.: Chính trị quốc gia, 2000.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập (Tập 46, quyển 1). H.: Chính trị quốc gia, 1995.
6. Quyết định về cải cách thể chế kinh tế của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trung Quốc: Nhân dân, 1984.
7. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập (Tập 21). H.: Chính trị quốc gia, 1995.
8. Văn tuyển Đặng Tiểu Bình (Quyển 3). H.: Chính trị quốc gia, 1995.